

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch Cảng hàng không quốc tế Gia Bình
thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050**

BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG

Căn cứ Luật Quy hoạch năm 2017;

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25/01/2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 648/QĐ-TTg ngày 07/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1102/QĐ-BXD ngày 20/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 408/QĐ-BXD ngày 11/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch Cảng hàng không quốc tế Gia Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1077/QĐ-BXD ngày 15/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc phê duyệt nhiệm vụ lập điều chỉnh Quy hoạch Cảng hàng không quốc tế Gia Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Xét Tờ trình của Cục Hàng không Việt Nam số 3255/TTr-CHK ngày 01/8/2025 về việc trình phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch Cảng hàng không quốc tế Gia Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính tại Báo cáo thẩm định số 1345/KHTC ngày 01/8/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch Cảng hàng không quốc tế Gia Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 với các nội dung sau:

1. Tên quy hoạch: điều chỉnh quy hoạch Cảng hàng không quốc tế Gia Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Địa điểm: xã Gia Bình, xã Lương Tài, xã Nhân Thắng, xã Lâm Thao - Bắc Ninh.

3. Thời kỳ quy hoạch: thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

4. Nội dung quy hoạch:

4.1. Vị trí, chức năng trong mạng cảng hàng không dân dụng toàn quốc: là cảng hàng không quốc tế.

4.2. Tính chất sử dụng: sân bay dùng chung dân dụng và an ninh, quốc phòng.

4.3. Mục tiêu quy hoạch:

a) Thời kỳ 2021-2030

- Cấp sân bay: 4E (theo mã tiêu chuẩn của Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế - ICAO).

- Công suất: khoảng 30,0 triệu hành khách/năm và 1,6 triệu tấn hàng hóa/năm.

- Loại tàu bay khai thác: tàu bay B777, B787, A350, A321 và các tàu bay chuyên cơ, chuyên dùng khác.

- Phương thức tiếp cận hạ cánh: theo tiêu chuẩn CAT III đối với đường cất hạ cánh 07L/25R, tiêu chuẩn CAT II đối với đường cất hạ cánh 07R/25L.

b) Tầm nhìn đến năm 2050

- Cấp sân bay: 4E (theo mã tiêu chuẩn của ICAO).

- Công suất: khoảng 50,0 triệu hành khách/năm và 2,5 triệu tấn hàng hóa/năm.

- Loại tàu bay khai thác: tàu bay B777, B787, A350, A321 và các tàu bay chuyên cơ, chuyên dùng khác.

- Phương thức tiếp cận hạ cánh: theo tiêu chuẩn CAT III đối với 04 đường cất hạ cánh 07L/25R, 07R/25L, 06L/24R và 06R/24L.

4.4. Quy hoạch các công trình khu bay

a) Hệ thống đường cất hạ cánh

- Thời kỳ 2021-2030: quy hoạch 02 đường cất hạ cánh hướng 07-25 ở khu vực phía Bắc, kích thước (3.500 x 45) m, khoảng cách giữa 02 đường cất hạ cánh khoảng 366 m; kích thước lề vật liệu theo quy định.

- Tầm nhìn đến năm 2050: quy hoạch 02 đường cất hạ cánh hướng 06-24 ở khu vực phía Nam, kích thước (3.500 x 45) m, khoảng cách giữa 02 đường cất hạ cánh khoảng 366 m; kích thước lề vật liệu theo quy định.

b) Hệ thống đường lăn

- Thời kỳ 2021-2030: quy hoạch đường lăn song song giữa 02 đường cất hạ cánh ở khu vực phía Bắc, đường lăn song song phía Nam đường cất hạ cánh 07R/25L; quy hoạch 01 đường lăn kết nối khu bay phía Bắc và khu bay phía Nam; quy hoạch hệ thống đường lăn nối, đường lăn thoát nhanh đồng bộ để kết nối giữa đường lăn song song với đường cất hạ cánh, sân đỗ khu vực phía Bắc; kích thước lề vật liệu theo quy định.

- Tầm nhìn đến năm 2050: quy hoạch đường lăn song song giữa 02 đường cất hạ cánh ở khu vực phía Nam, đường lăn song song phía Bắc đường cất hạ cánh 06L/24R; quy hoạch bổ sung 01 đường lăn kết nối khu bay phía Bắc và khu bay phía Nam; quy hoạch hệ

thông đường lăn nổi, đường lăn thoát nhanh đồng bộ để kết nối giữa đường lăn song song với đường cất hạ cánh, sân đỗ khu vực phía Nam; kích thước lề vật liệu theo quy định.

c) Sân đỗ máy bay

- Thời kỳ 2021-2030: quy hoạch sân đỗ tàu bay khu vực nhà ga hành khách và nhà ga hàng hóa đáp ứng khoảng 81 vị trí đỗ.

- Tầm nhìn đến năm 2050: mở rộng sân đỗ tàu bay quanh khu vực nhà ga hành khách và nhà ga hàng hóa đáp ứng khoảng 123 vị trí đỗ; dự trữ để mở rộng khi có nhu cầu.

4.5. Quy hoạch các công trình bảo đảm hoạt động bay

a) Đài Kiểm soát không lưu: quy hoạch đài kiểm soát không lưu tại vị trí phía Nam nhà ga hành khách, diện tích khoảng 0,85 ha.

b) Hệ thống đài dẫn đường: thời kỳ 2021-20230 quy hoạch đài DVOR/DME cho cặp đường cất hạ cánh phía Bắc; tầm nhìn đến năm 2050 quy hoạch thêm đài DVOR/DME cho cặp đường cất hạ cánh phía Nam.

c) Hệ thống đèn hiệu sân bay, thiết bị dẫn đường

- Thời kỳ 2021-2030: quy hoạch hệ thống đèn tiếp cận chính xác CAT III đối với đường cất hạ cánh 07L/25R, CAT II đối với đường cất hạ cánh 07R/25L; quy hoạch hệ thống thiết bị hạ cánh chính xác ILS đồng bộ.

- Tầm nhìn đến năm 2050: quy hoạch hệ thống đèn tiếp cận chính xác CAT III đối với các đường cất hạ cánh 07L/25R, 07R/25L, 06L/24R và 06R/24L; quy hoạch hệ thống thiết bị hạ cánh chính xác ILS đồng bộ.

d) Hệ thống radar, các công trình bảo đảm hoạt động bay khác

- Quy hoạch hệ thống radar sơ - thứ cấp, radar thời tiết, hệ thống quan trắc khí tượng tự động (AWOS), hệ thống giám sát tự động phụ thuộc (ADS-B); vị trí cụ thể sẽ được xác định trong bước triển khai dự án.

- Quy hoạch hệ thống tự động cảnh báo xâm nhập đường cất hạ cánh (ARIWS), hệ thống giám sát đa điểm (MLAT), hệ thống giám sát bề mặt đường cất hạ cánh, hệ thống thiết bị phát hiện và xua đuổi chim, hệ thống cảnh báo gió đứt,... khi có nhu cầu.

4.6. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung

a) Đường giao thông nội cảng

- Đường trục vào cảng hàng không: định hướng kết nối cảng hàng không với tuyến đường quy hoạch mới của địa phương; quy hoạch chi tiết được xác định tại quy hoạch tỉnh để bảo đảm tính đồng bộ và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Đường giao thông nội cảng ngoài sân bay: quy hoạch các tuyến đường kết nối từ đường trục chính tới các khu chức năng của cảng hàng không; mặt cắt ngang các tuyến quy mô 02 - 04 làn xe.

- Đường công vụ: quy hoạch đường giao thông chạy sát phía trong tường rào cảng hàng không theo quy định, phục vụ tuần tra, bảo đảm an ninh, an toàn.

b) Hệ thống sân đỗ ô tô: quy hoạch hệ thống bãi đỗ xe kết hợp nhà xe cao tầng đồng bộ với khu vực nhà ga hành khách, khu vực tiếp giáp với đường trục vào cảng hàng không; dự trữ để mở rộng khi có nhu cầu.

c) *Hệ thống cấp điện, chiếu sáng*: sử dụng lưới điện của địa phương; quy hoạch các trạm biến áp theo nhu cầu sử dụng.

d) *Hệ thống cấp nước*: sử dụng nước từ hệ thống cấp nước sạch của địa phương; quy hoạch các trạm cấp nước, mạng lưới phân phối nước theo nhu cầu sử dụng.

đ) *Hệ thống thoát nước*:

- Hệ thống thoát nước khu bay: quy hoạch hệ thống rãnh biên, hệ thống mương dọc theo đường cất hạ cánh, sân đỗ máy bay, hệ thống cống thu nước để thoát nước ra các sông hiện hữu quanh khu vực Cảng đã được nắn dòng.

- Hệ thống thoát nước khu hàng không dân dụng: quy hoạch hệ thống mương, rãnh thoát nước, hệ thống hồ thu, cống ngầm thu nước vào hệ thống thoát nước của khu bay và hệ thống thoát nước dọc theo đường trục vào cảng.

e) *Hệ thống xử lý nước thải*: quy hoạch trạm xử lý nước thải tại vị trí phía Đông của Cảng, diện tích khu đất khoảng 3,68 ha.

g) *Khu vực lưu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại*: được nghiên cứu xác định cụ thể trong bước triển khai dự án để bảo đảm phù hợp với dây chuyền khai thác của Cảng.

4.7. Quy hoạch các công trình dịch vụ hàng không

a) *Nhà ga phục vụ chuyên cơ - Nhà ga VIP*: quy hoạch khu vực phía Tây Nam nhà ga hành khách, phía Nam khu sân đỗ máy bay chuyên cơ; diện tích khu đất khoảng 5,4 ha.

b) *Nhà ga hành khách*

- Thời kỳ 2021-2030: quy hoạch nhà ga hành khách phía Đông Bắc nhà ga VIP với công suất khoảng 30,0 triệu hành khách/năm.

- Tầm nhìn đến năm 2050: mở rộng nhà ga hành khách đáp ứng công suất khoảng 50,0 triệu hành khách/năm.

c) *Nhà ga hàng hóa*

- Thời kỳ 2021-2030: quy hoạch khu vực phía Đông nhà ga hành khách, đáp ứng công suất khoảng 1,6 triệu tấn hàng hóa/năm.

- Tầm nhìn đến năm 2050: mở rộng nhà ga hàng hóa đáp ứng công suất khoảng 2,5 triệu tấn/năm; dự trữ đất phát triển khi có nhu cầu.

d) *Khu tập kết trang thiết bị phục vụ mặt đất*: thời kỳ 2021-2030 quy hoạch tại khu vực phía Tây nhà ga VIP, diện tích khu đất khoảng 6,1 ha; tầm nhìn đến năm 2050 quy hoạch bổ sung tại khu vực phía Đông nhà ga hành khách và phía Tây đầu 06 của đường cất hạ cánh số 3.

đ) *Cơ sở cung cấp suất ăn hàng không*: quy hoạch khu vực phía Đông của Cảng, diện tích khu đất khoảng 6,1 ha.

e) *Công trình dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay (hangar)*: quy hoạch khu vực phía Đông Nam của Cảng.

g) *Khu cung cấp nhiên liệu hàng không*: quy hoạch khu vực phía Đông của Cảng, diện tích khu đất khoảng 11,9 ha.

h) *Trạm cấp nhiên liệu cho phương tiện, thiết bị hàng không*: quy hoạch khu vực phía Tây của Cảng, diện tích khu đất khoảng 2,15 ha.

4.8. Quy hoạch các công trình dịch vụ phi hàng không, các công trình khác

Quy hoạch khu vực phía Tây Nam, phía Nam nhà ga VIP, tiếp giáp với tuyến đường trục vào cảng hàng không, bao gồm các công trình: nhà điều hành cảng hàng không, trụ sở làm việc của Cảng vụ hàng không, trụ sở làm việc của Công an địa phương, trụ sở làm việc của Công an cửa khẩu, trụ sở làm việc của Hải quan, trụ sở làm việc của Trung tâm y tế, trụ sở làm việc của Trung tâm kiểm dịch động vật, trụ sở làm việc của Trung tâm kiểm dịch động vật, trụ sở làm việc của lực lượng An ninh hàng không, văn phòng cho thuê/trung tâm điều hành các hãng hàng không.

4.9. Quy hoạch các công trình bảo đảm an ninh sân bay, khẩn nguy cứu nạn

- Quy hoạch hệ thống hàng rào bao quanh ranh giới đất của cảng hàng không, hàng rào bảo vệ khu bay.

- Công trình khẩn nguy sân bay đạt cấp 9 theo phân cấp của ICAO; thời kỳ 2021-2030 quy hoạch khu vực phía Bắc của Cảng, khu vực đầu 25L của đường cất hạ cánh và phía Tây nhà ga VIP; tầm nhìn đến năm 2050 quy hoạch bổ sung tại khu vực phía Nam của Cảng và tại khu vực đầu 06 của đường cất hạ cánh số 3.

- Quy hoạch khu xử lý bom mìn phía Đông Nam đầu 25L của đường cất hạ cánh.

4.10. Quy hoạch sử dụng đất

Nhu cầu sử dụng đất cho thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 của Cảng hàng không quốc tế Gia Bình khoảng 1.959,95 ha, trong đó:

- Đất quy hoạch các công trình hàng không dân dụng khoảng: 957,65 ha;
- Đất quy hoạch các công trình khu bay dùng chung khoảng: 927,23 ha;
- Đất an ninh do Bộ Công an quản lý khoảng: 75,07 ha.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm:

- Nghiên cứu, tiếp thu Báo cáo thẩm định của Vụ Kế hoạch - Tài chính để hoàn thiện hồ sơ Quy hoạch;

- Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh và các cơ quan liên quan tổ chức công bố, quản lý và thực hiện quy hoạch theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh có trách nhiệm:

- Rà soát, cập nhật các nội dung quy hoạch nêu trên vào quy hoạch của địa phương và các quy hoạch có liên quan; tổ chức quản lý tính không, cao độ xây dựng theo quy định; nghiên cứu các giải pháp cấp điện, cấp nước, thoát nước... đối với khu vực lân cận cảng hàng không;

- Bố trí và bảo vệ quỹ đất phù hợp theo Quy hoạch được duyệt, có phương án về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để đảm bảo quỹ đất sẵn sàng đáp ứng khi có nhu cầu phát triển mở rộng theo quy hoạch; chủ động phối hợp với Bộ Quốc phòng nghiên cứu, bố trí quỹ đất cho trận địa phòng không bảo vệ cảng hàng không.

- Hoàn thiện quy hoạch và đầu tư tuyến đường giao thông kết nối cảng hàng không với Thủ đô Hà Nội, tuyến đường trục vào cảng hàng không để bảo đảm khả năng khai thác, kết nối của Cảng hàng không quốc tế Gia Bình.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế các Quyết định số 1154/QĐ-BXD ngày 25/7/2025, số 408/QĐ-BXD ngày 11/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Điều 4. Thủ trưởng các đơn vị: Văn phòng Bộ, Thanh tra Bộ, các Vụ: Kế hoạch - Tài chính, Quy hoạch - Kiến trúc; Cục trưởng các Cục: Hàng không Việt Nam, Kinh tế - Quản lý đầu tư xây dựng, Kết cấu hạ tầng xây dựng và thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

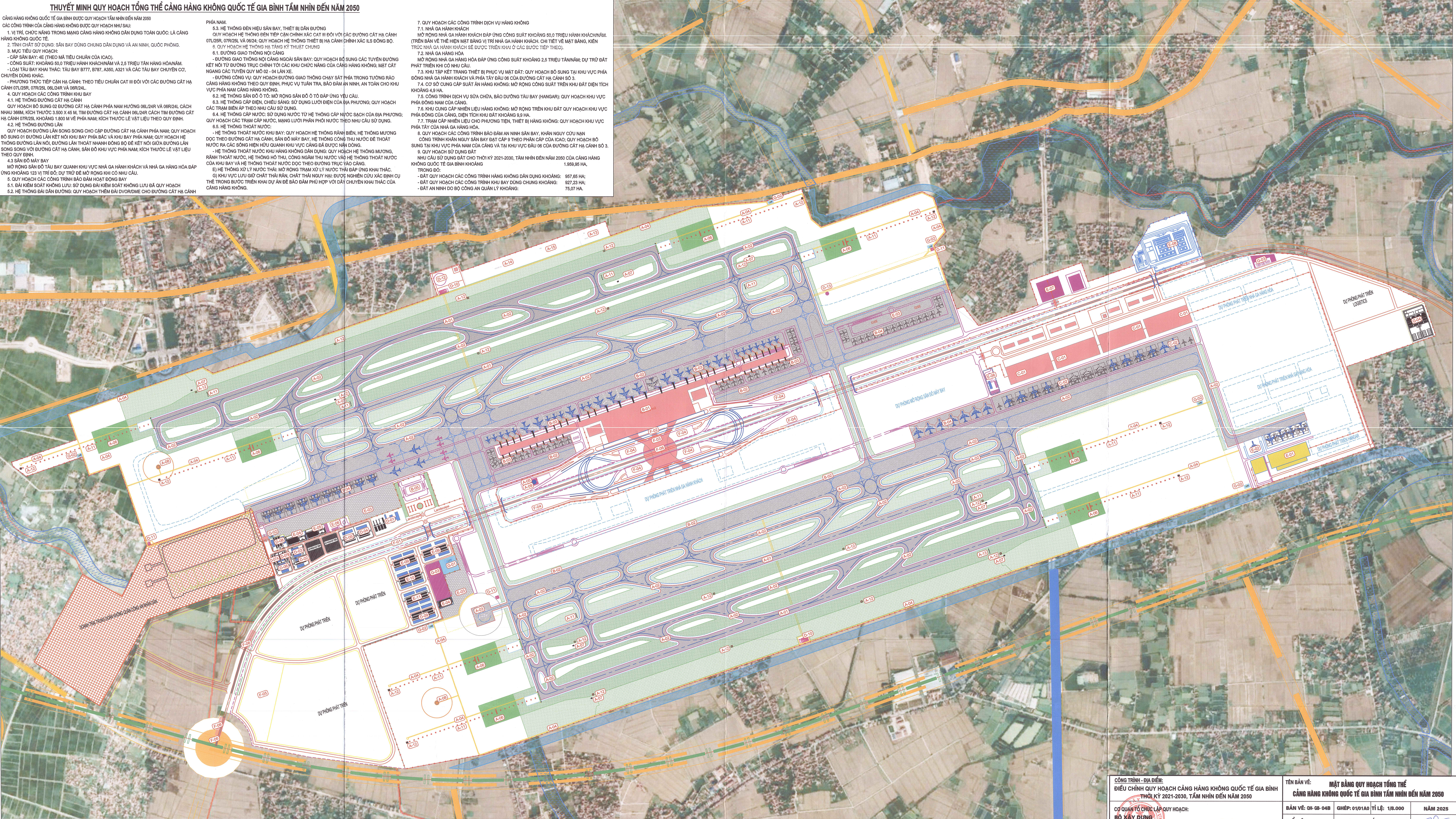
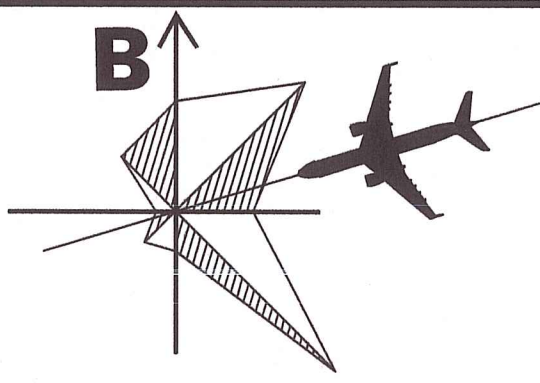
- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Lê Anh Tuấn;
- Các Bộ: Quốc phòng, Công an, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương; Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- UBND tỉnh Bắc Ninh;
- Bộ Tư lệnh CSCĐ (Bộ Công an);
- Cảng vụ hàng không miền Bắc;
- Tổng công ty Quản lý bay VN;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Xây dựng;
- Lưu: VT, KHTC. VULH



ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ GIA BÌNH THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

MẶT BẰNG QUY HOẠCH TỔNG THỂ CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ GIA BÌNH TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

TỶ LỆ: 1/8.000



THUYẾT MINH QUY HOẠCH TỔNG THỂ CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ GIA BÌNH TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ GIA BÌNH ĐƯỢC QUY HOẠCH TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

CÁC CÔNG TRÌNH CỦA CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ GIA BÌNH NHƯ SAU:

1. VỊ TRÍ, CHỨC NĂNG TRONG MẠNG CẢNG HÀNG KHÔNG ĐÃ DỰNG TOÀN QUỐC: LÀ CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ.

2. TÍNH CHẤT SỬ DỤNG: SÂN BAY ĐỒNG CHỨC NĂNG ĐÃ DỰNG VÀ AN NINH, QUỐC PHÒNG.

3. MỨC TIÊU QUY HOẠCH:

- CẤP SÂN BAY: HẸ (THEO MÃ TIÊU CHUẨN CỦA ICDO).
- CÔNG SUẤT: KHOẢNG 50.0 TRIỆU HÀNH KHÁCH/NĂM VÀ 2,5 TRIỆU TẤN HÀNG HOÀN NÂM.
- LOẠI TÀU BAY KHAI THÁC: TÀU BAY B777, B787, A350, A321 VÀ CÁC TÀU BAY CHUYÊN CỎ, CHUYÊN DÙNG KHÁC.

PHƯƠNG THỨC TIẾP CẬN HẠ CẢNH: THEO TIÊU CHUẨN CAT III ĐỐI VỚI CÁC ĐƯỜNG CÁT HẠ CẢNH 07L/25R, 07R/25L VÀ 08/24. QUY HOẠCH HẸ THỐNG THIẾT BỊ HẠ CẢNH CHÍNH XÁC LÊN ĐỒNG BỘ.

6. QUY HOẠCH HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT CHUNG

6.1. ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI CẢNG

- ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI CẢNG NGỒI CÁN SÂN BAY: QUY HOẠCH BỔ SUNG CÁC TUYẾN ĐƯỜNG KẾT NỐI TỪ ĐƯỜNG TRỰC CHỈNH TỚI CÁC KHU CHỨC NĂNG CỦA CẢNG HÀNG KHÔNG; MẶT CÁT NGANG CÁC TUYẾN QUY MÔ 02 - 04 LẦN XE.
- ĐƯỜNG CÔNG VỤ: QUY HOẠCH ĐƯỜNG GIAO THÔNG CHẠY SẮT PHÍA TRONG TƯƠNG RAO CẢNG HÀNG KHÔNG THEO QUY ĐỊNH, PHỤC VỤ TUẦN TRA, BẢO ĐẢM AN NINH, AN TOÀN CHO KHU VỰC PHÍA NAM CẢNG HÀNG KHÔNG.
- HỒ THỐNG SÂN ĐỒ 0 TỶ: MỞ RỘNG SÂN ĐỒ 0 TỶ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU.
- HỒ THỐNG CẤP ĐIỆN, CHIẾU SÁNG: SỬ DỤNG LƯỚI ĐIỆN CỦA ĐỊA PHƯƠNG; QUY HOẠCH CÁC TRẠM BIẾN ÁP THEO NHU CẦU SỬ DỤNG.
- HỒ THỐNG CẤP NƯỚC: SỬ DỤNG NƯỚC TỰ HẸ THỐNG CẤP NƯỚC SẠCH CỦA ĐỊA PHƯƠNG; QUY HOẠCH CÁC TRẠM CẤP NƯỚC, MẠNG LƯỚI PHÂN PHỐI NƯỚC THEO NHU CẦU SỬ DỤNG.
- HỒ THỐNG THOÁT NƯỚC:
- HỒ THỐNG THOÁT NƯỚC KHU BAY: QUY HOẠCH HỒ THỐNG BÊN BIỂN, HỒ THỐNG MƯƠNG ĐỐC THEO ĐƯỜNG CÁT HẠ CẢNH, SÂN ĐỒ MÂY BAY; HỒ THỐNG CÔNG THỦ NƯỚC ĐỂ THOÁT NƯỚC RA CÁC SÔNG HỒ HỮU QUAN KHU VỰC CẢNG ĐÃ DỰNG NÊN DÒNG.
- HỒ THỐNG THOÁT NƯỚC KHU CẢNG HÀNG KHÔNG ĐÃ DỰNG: QUY HOẠCH HỒ THỐNG MƯƠNG, BÊN THOÁT NƯỚC; HỒ THỐNG HỒ THỦ, CÔNG NGÂM THỦ NƯỚC VÀ HỒ THỐNG THOÁT NƯỚC CỦA KHU BAY VÀ HỒ THỐNG THOÁT NƯỚC ĐỐC THEO ĐƯỜNG TRỰC VÀO CẢNG.
- HỒ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI: MỞ RỘNG TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI ĐÁP ỨNG KHAI THÁC.
- KHU VỰC LƯU GIỮ CHẤT THẢI RẮN, CHẤT THẢI NGUY HẠI: ĐƯỢC NGHIÊN CỨU XÁC ĐỊNH CỤ THỂ TRONG BƯỚC TRIỂN KHAI DỰ ÁN ĐỂ BẢO ĐẢM PHÙ HỢP VỚI ĐẤT CHUYỂN KHAI THÁC CỦA CẢNG HÀNG KHÔNG.

5.3. HỒ THỐNG ĐIỀU KHIỂN SÂN BAY: THIẾT BỊ DẪN ĐƯỜNG

5.4. HỒ THỐNG ĐIỀU KHIỂN TIẾP CẬN CHÍNH XÁC CAT III ĐỐI VỚI CÁC ĐƯỜNG CÁT HẠ CẢNH 07L/25R, 07R/25L VÀ 08/24. QUY HOẠCH HẸ THỐNG THIẾT BỊ HẠ CẢNH CHÍNH XÁC LÊN ĐỒNG BỘ.

5.5. HỒ THỐNG ĐIỀU KHIỂN TIẾP CẬN HẠ CẢNH: THEO TIÊU CHUẨN CAT III ĐỐI VỚI CÁC ĐƯỜNG CÁT HẠ CẢNH 07L/25R, 07R/25L VÀ 08/24.

5.6. HỒ THỐNG ĐIỀU KHIỂN TIẾP CẬN HẠ CẢNH: THEO TIÊU CHUẨN CAT III ĐỐI VỚI CÁC ĐƯỜNG CÁT HẠ CẢNH 07L/25R, 07R/25L VÀ 08/24.

5.7. HỒ THỐNG ĐIỀU KHIỂN TIẾP CẬN HẠ CẢNH: THEO TIÊU CHUẨN CAT III ĐỐI VỚI CÁC ĐƯỜNG CÁT HẠ CẢNH 07L/25R, 07R/25L VÀ 08/24.

5.8. HỒ THỐNG ĐIỀU KHIỂN TIẾP CẬN HẠ CẢNH: THEO TIÊU CHUẨN CAT III ĐỐI VỚI CÁC ĐƯỜNG CÁT HẠ CẢNH 07L/25R, 07R/25L VÀ 08/24.

5.9. HỒ THỐNG ĐIỀU KHIỂN TIẾP CẬN HẠ CẢNH: THEO TIÊU CHUẨN CAT III ĐỐI VỚI CÁC ĐƯỜNG CÁT HẠ CẢNH 07L/25R, 07R/25L VÀ 08/24.

5.10. HỒ THỐNG ĐIỀU KHIỂN TIẾP CẬN HẠ CẢNH: THEO TIÊU CHUẨN CAT III ĐỐI VỚI CÁC ĐƯỜNG CÁT HẠ CẢNH 07L/25R, 07R/25L VÀ 08/24.

5.11. HỒ THỐNG ĐIỀU KHIỂN TIẾP CẬN HẠ CẢNH: THEO TIÊU CHUẨN CAT III ĐỐI VỚI CÁC ĐƯỜNG CÁT HẠ CẢNH 07L/25R, 07R/25L VÀ 08/24.

5.12. HỒ THỐNG ĐIỀU KHIỂN TIẾP CẬN HẠ CẢNH: THEO TIÊU CHUẨN CAT III ĐỐI VỚI CÁC ĐƯỜNG CÁT HẠ CẢNH 07L/25R, 07R/25L VÀ 08/24.

5.13. HỒ THỐNG ĐIỀU KHIỂN TIẾP CẬN HẠ CẢNH: THEO TIÊU CHUẨN CAT III ĐỐI VỚI CÁC ĐƯỜNG CÁT HẠ CẢNH 07L/25R, 07R/25L VÀ 08/24.

5.14. HỒ THỐNG ĐIỀU KHIỂN TIẾP CẬN HẠ CẢNH: THEO TIÊU CHUẨN CAT III ĐỐI VỚI CÁC ĐƯỜNG CÁT HẠ CẢNH 07L/25R, 07R/25L VÀ 08/24.

5.15. HỒ THỐNG ĐIỀU KHIỂN TIẾP CẬN HẠ CẢNH: THEO TIÊU CHUẨN CAT III ĐỐI VỚI CÁC ĐƯỜNG CÁT HẠ CẢNH 07L/25R, 07R/25L VÀ 08/24.

CHÚ THÍCH		A - CÔNG TRÌNH KHU BAY		B - CÔNG TRÌNH NHÀ GA HÀNH KHÁCH		C - CÔNG TRÌNH HANG HÓA		D - CÔNG TRÌNH HỖ TRỢ CHK		E - CÔNG TRÌNH HỖ TRỢ HÀNG HÀNG KHÔNG		F - CÔNG TRÌNH TIẾP CẬN CẢNG HÀNG KHÔNG		G - TIỆN ÍCH CẢNG HÀNG KHÔNG	
A-01	Đường CHC	B-01	Nhà ga hành khách	D-07A/07B	Trung tâm Kiểm dịch động vật / Trung tâm Kiểm dịch thực vật	E-09	Tòa nhà Hàng không 1 / Văn phòng cho thuê	F-01	Đường trục cảng	G-01	Trạm biên giới cảng hàng không	F-01	Đường trục cảng	G-01	Trạm biên giới cảng hàng không
A-02	Đường lăn	B-02	Sân đỗ máy bay nhà ga hành khách	D-08	Khu bảo trì kết cấu cảng hàng không	F-02	Thăm lễ Nhà ga hành khách	F-02	Đường trục cảng	G-02	Trạm biên giới cảng hàng không	F-02	Thăm lễ Nhà ga hành khách	G-02	Trạm biên giới cảng hàng không
A-03	Vị trí đỗ máy bay biệt lập	B-03	Sân đỗ máy bay nhà ga hành khách	D-09	Văn phòng an ninh Cảng HKQT Gia Bình	F-03	Nhà để xe	F-03	Nhà để xe	G-03	Trạm biên giới cảng hàng không	F-03	Nhà để xe	G-03	Trạm biên giới cảng hàng không
A-04	Đường công vụ khu bay	B-04	Sân đỗ máy bay biệt lập	D-10	Trạm kiểm soát an ninh	F-04	Bãi đỗ xe trước ga	F-04	Bãi đỗ xe trước ga	G-04	Trạm biên giới cảng hàng không	F-04	Bãi đỗ xe trước ga	G-04	Trạm biên giới cảng hàng không
A-05	Bãi kiểm soát không lưu	B-05	Sân đỗ máy bay biệt lập	D-11	Trạm kiểm soát an ninh	F-05	Bãi đỗ xe khách xa	F-05	Bãi đỗ xe khách xa	G-05	Trạm biên giới cảng hàng không	F-05	Bãi đỗ xe khách xa	G-05	Trạm biên giới cảng hàng không
A-06	Bãi kiểm soát không lưu	B-06	Sân đỗ máy bay biệt lập	D-12	Khu huấn luyện chữa cháy	F-06	Garage đường sắt (dự kiến)	F-06	Garage đường sắt (dự kiến)	G-06	Trạm biên giới cảng hàng không	F-06	Garage đường sắt (dự kiến)	G-06	Trạm biên giới cảng hàng không
A-07	Glideslope / Đai góc hạ cánh GP	B-07	Nhà ga hành khách	D-13	Khu xử lý bom, mìn	F-07	Trạm xe buýt	F-07	Trạm xe buýt	G-07	Trạm biên giới cảng hàng không	F-07	Trạm xe buýt	G-07	Trạm biên giới cảng hàng không
A-08	Đai dẫn đường đa hướng song ngắn (VOR)/Thiết bị đo cự ly (DME)	C-01	Nhà ga hàng hóa	E-01	Hanger bảo trì máy bay (MRO)	G-08	Trạm biên giới cảng hàng không	F-08	Trạm xe buýt	G-08	Trạm biên giới cảng hàng không	F-08	Trạm xe buýt	G-08	Trạm biên giới cảng hàng không
A-09	Radar giám sát di chuyển mặt đất	C-02	Bãi đỗ tàu bay vận tải	E-02	Sân thử động cơ	G-09	Trạm biên giới cảng hàng không	F-09	Trạm xe buýt	G-09	Trạm biên giới cảng hàng không	F-09	Trạm xe buýt	G-09	Trạm biên giới cảng hàng không
A-10	Hệ thống chỉ đường tiếp cận (PAPI)	D-01	Tòa nhà điều hành Cảng HKQT Gia Bình	E-03	Khu tập kết phương tiện phục vụ mặt đất	G-10	Trạm biên giới cảng hàng không	F-10	Trạm xe buýt	G-10	Trạm biên giới cảng hàng không	F-10	Trạm xe buýt	G-10	Trạm biên giới cảng hàng không
A-11	Hệ thống đèn tiếp cận hạ cánh	D-02	Hải quan	E-04	Khu vực bảo trì thiết bị phục vụ mặt đất	G-11	Trạm biên giới cảng hàng không	F-11	Trạm xe buýt	G-11	Trạm biên giới cảng hàng không	F-11	Trạm xe buýt	G-11	Trạm biên giới cảng hàng không
A-12	Hệ thống quan trắc khí tượng tự động	D-03	Văn phòng Cảng vụ Cảng HKQT Gia Bình	E-05	Khu xử lý vệ sinh tàu bay	G-12	Trạm biên giới cảng hàng không	F-12	Trạm xe buýt	G-12	Trạm biên giới cảng hàng không	F-12	Trạm xe buýt	G-12	Trạm biên giới cảng hàng không
A-13	Khu vực cho trạm RXADS-B	D-04	Công an địa phương	E-06	Trạm cung cấp nhiên liệu phương tiện phục vụ mặt đất	G-13	Trạm biên giới cảng hàng không	F-13	Trạm xe buýt	G-13	Trạm biên giới cảng hàng không	F-13	Trạm xe buýt	G-13	Trạm biên giới cảng hàng không
A-14	Khu vực cho PRSSR-TX	D-05	Công an cửa khẩu	E-07	Khu chế biến xuất ăn	G-14	Trạm biên giới cảng hàng không	F-14	Trạm xe buýt	G-14	Trạm biên giới cảng hàng không	F-14	Trạm xe buýt	G-14	Trạm biên giới cảng hàng không
A-15	Khu vực cho trạm ra đi thời tiết	D-06	Trung tâm y tế	E-08	Trạm cung cấp nhiên liệu	G-15	Trạm biên giới cảng hàng không	F-15	Trạm xe buýt	G-15	Trạm biên giới cảng hàng không	F-15	Trạm xe buýt	G-15	Trạm biên giới cảng hàng không

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:

ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ GIA BÌNH THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH:

HỒ KÝ DÙNG:

THỜI GIAN LẬP QUY HOẠCH: NGÀY 01 THÁNG 8 NĂM 2025

TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG QUY HOẠCH TỔNG THỂ CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ GIA BÌNH TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

BẢN VẼ: 01-GB-04B

GHÉP: 01/01A0

TỶ LỆ: 1/8.000

NĂM 2025

THỂ HIỆN:

HÀ HỌC THẮNG

THIẾT KẾ:

HÀ HỌC THẮNG

CHỦ TRÌ:

TRẦN THUẬN LỢI

Q.L. KỸ THUẬT:

HOÀNG MẠNH PHÚ

CHỦ NHIỆM:

ĐỖ MẠNH TUẤN

CƠ QUAN LẬP QUY HOẠCH:

CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

THỜI GIAN TRÌNH SỬ DỤNG: NGÀY 01 THÁNG 8 NĂM 2025

PHÓ GIÁM ĐỐC:

THS. ĐỖ MẠNH TUẤN

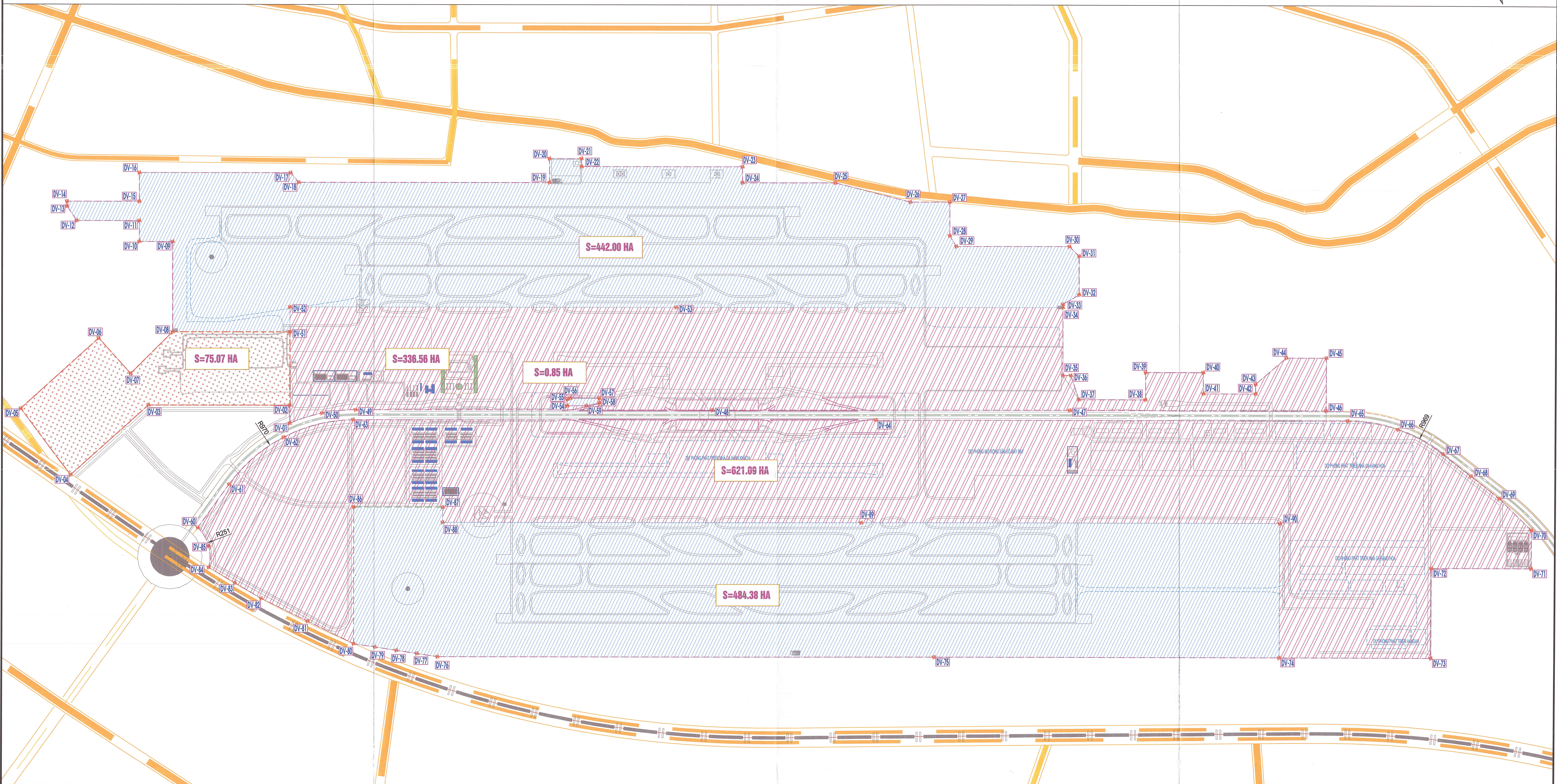
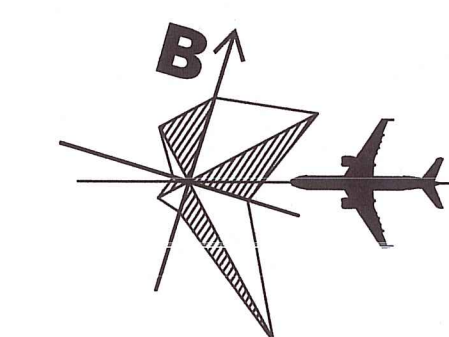
QUẢN LÝ CHUNG PHÒNG KHÔNG - KHÔNG QUẢN:

CÔNG TY TNHH MTV THIẾT KẾ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HÀNG KHÔNG ACCC

ĐỊA CHỈ: 181 TRƯỜNG CHINH - HÀ NỘI - TÊN: (024) 38537988 - FAX: (024) 38534468

ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ GIA BÌNH THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

MẶT BẰNG QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT



GHI CHÚ:

- ĐẤT KHU BAY DÙNG CHUNG
- ĐẤT QUY HOẠCH CÔNG TRÌNH HÀNG KHÔNG DÂN DỤNG
- ĐẤT AN NINH DO BỘ CÔNG AN QUẢN LÝ

THUYẾT MINH

NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT CHO THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050 CỦA CẢNG HKQT GIA BÌNH DỰ KIẾN NHƯ SAU:

TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT CHKQT GIA BÌNH:	1959.95HA
TRONG ĐÓ	
+ ĐẤT QUY HOẠCH CÁC CÔNG TRÌNH HÀNG KHÔNG DÂN DỤNG:	957.65 HA
+ ĐẤT QUY HOẠCH CÁC CÔNG TRÌNH KHU BAY DÙNG CHUNG:	927.23 HA
+ ĐẤT AN NINH DO BỘ CÔNG AN QUẢN LÝ:	75.07 HA

BẢNG TOẠ ĐỘ ĐIỂM QUY HOẠCH

STT	TÊN ĐIỂM	TOẠ ĐỘ	
		X	Y
1	DV-1	2328958.360	570474.382
2	DV-2	2327084.839	570437.332
3	DV-3	2326775.892	569606.910
4	DV-4	2326206.768	569292.821
5	DV-5	2326494.000	568863.000
6	DV-6	2327067.338	569177.689
7	DV-7	2326924.789	569437.402
8	DV-8	2327255.857	569599.328
9	DV-9	2327785.936	569415.000
10	DV-10	2327717.520	569218.377
11	DV-11	2327840.300	569175.655
12	DV-12	2327712.136	568807.316
13	DV-13	2327777.426	568721.092
14	DV-14	2327805.753	568711.213
15	DV-15	2327953.635	569136.220
16	DV-16	2328123.645	569077.065
17	DV-17	2328433.047	569966.275
18	DV-18	2328392.812	570033.219

STT	TÊN ĐIỂM	TOẠ ĐỘ	
		X	Y
19	DV-19	2328905.473	571506.586
20	DV-20	2329047.142	571457.292
21	DV-21	2329112.774	571645.915
22	DV-22	2329065.644	571662.616
23	DV-23	2329394.271	572607.075
24	DV-24	2329299.825	572639.938
25	DV-25	2329490.425	573187.714
26	DV-26	2329529.475	573665.098
27	DV-27	2329609.922	573896.299
28	DV-28	2329411.642	573965.292
29	DV-29	2329362.396	574024.779
30	DV-30	2329592.435	574685.901
31	DV-31	2329555.485	574762.286
32	DV-32	2329328.815	574841.156
33	DV-33	2329239.285	574766.428
34	DV-34	2329220.395	574773.001
35	DV-35	2328821.811	574911.689
36	DV-36	2328838.242	574958.912

STT	TÊN ĐIỂM	TOẠ ĐỘ	
		X	Y
37	DV-37	2328713.005	575055.430
38	DV-38	2328849.221	575446.910
39	DV-39	2329009.779	575391.043
40	DV-40	2329128.085	575731.049
41	DV-41	2329003.580	575774.897
42	DV-42	2329110.024	576080.816
43	DV-43	2329166.692	576061.098
44	DV-44	2329383.724	576185.792
45	DV-45	2329465.193	576419.932
46	DV-46	2329154.466	576528.050
47	DV-47	2328631.133	575024.012
48	DV-48	2327902.019	572928.568
49	DV-49	2327172.904	570833.124
50	DV-50	2327084.004	570642.766
51	DV-51	2327495.500	570287.486
52	DV-52	2327641.924	570236.538
53	DV-53	2328431.159	572504.769
54	DV-54	2327629.985	572067.639

STT	TÊN ĐIỂM	TOẠ ĐỘ	
		X	Y
55	DV-55	2327667.764	572054.494
56	DV-56	2327680.498	572071.239
57	DV-57	2327739.478	572240.746
58	DV-58	2327712.143	572250.258
59	DV-59	2327669.421	572180.974
60	DV-60	2326156.835	570148.411
61	DV-61	2326475.373	570243.137
62	DV-62	2326862.843	570465.898
63	DV-63	2327109.230	570838.790
64	DV-64	2328177.919	573910.158
65	DV-65	2329139.805	576674.579
66	DV-66	2329193.608	576987.572
67	DV-67	2329143.327	577301.151
68	DV-68	2329070.262	577512.705
69	DV-69	2328997.197	577724.259
70	DV-70	2328877.555	577977.650
71	DV-71	2328651.766	578056.214
72	DV-72	2328448.018	577470.649

STT	TÊN ĐIỂM	TOẠ ĐỘ	
		X	Y
73	DV-73	2327919.120	577654.680
74	DV-74	2327608.991	576765.110
75	DV-75	2326904.403	574738.426
76	DV-76	2325889.687	571822.171
77	DV-77	2325866.270	571694.981
78	DV-78	2325842.852	571567.791
79	DV-79	2325818.363	571434.765
80	DV-80	2325793.874	571301.765
81	DV-81	2325832.227	570984.092
82	DV-82	2325870.579	570866.419
83	DV-83	2325908.183	570480.293
84	DV-84	2325945.787	570294.167
85	DV-85	2326071.346	570250.300
86	DV-86	2326597.089	571022.290
87	DV-87	2326778.444	571546.544
88	DV-88	2326689.686	571577.428
89	DV-89	2327544.405	574033.857
90	DV-90	2328399.125	576490.286

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM: ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ GIA BÌNH THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050		TÊN BẢN VẼ: MẶT BẰNG QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	
CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH: BỘ XÂY DỰNG THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 124/QĐ-TTg NGÀY 01 THÁNG 8 NĂM 2020		BẢN VẼ: 01/GB-18 GHEP: 01/01A0 TỈ LỆ: FIT NĂM 2025	
CƠ QUAN LẬP QUY HOẠCH: CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM THEO TỜ TRÌNH SỐ 329/TTR-CHV NGÀY 01 THÁNG 8 NĂM 2025		THỂ HIỆN NGUYỄN TRUNG QUYẾT	
		THIẾT KẾ NGUYỄN TRUNG QUYẾT	
		CHỦ TRÌ TRẦN THUẬN LỢI	
		QL KỸ THUẬT HOÀNG MẠNH PHÚ	
		CHỦ NHIỆM ĐỖ MẠNH TUẤN	
		PHÓ GIÁM ĐỐC THS. ĐỖ MẠNH TUẤN	
		QUẢN CHUNG PHÒNG KHÔNG - KHÔNG QUẢN CÔNG TY TNHH MTV THIẾT KẾ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HÀNG KHÔNG ADCC ĐỊA CHỈ: 180 TRƯỜNG CHINH - HÀ NỘI - TEL: (024)3853788 - FAX: (024)3853468	

